

Số: 3102/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 28 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển);
ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu tỉnh Kiên Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Công văn số 9185/BNN-VPĐP ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn triển khai Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp thuộc các xã đặc biệt khó khăn giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Công văn số 230/VPĐP-NV&MT ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương về việc ban hành tiêu chí và chỉ đạo thực hiện xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu;

Căn cứ Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí ấp nông thôn mới trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển thuộc tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2019-2020;

Căn cứ Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu giai đoạn 2019-2020 tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Kiên Giang tại Tờ trình số 46/TTr-VPĐP ngày 04 tháng 9 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu.

Điều 2. Giao Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện.



Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh, Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

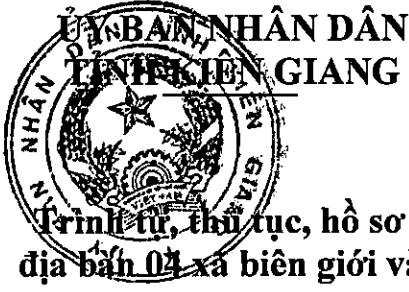
- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- LĐVP, P. KT, P. TH, P. KGVX;
- Lưu: VT, cvquoc.



Dau
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Nhân
Nguyễn Thanh Nhân





QUY ĐỊNH

Trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu tỉnh Kiên Giang

(Kèm theo Quyết định số: 3102/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi thực hiện và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và tổ chức công bố ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu tỉnh Kiên Giang.

2. Đối tượng áp dụng

- Các ấp trên địa bàn tỉnh đã được cấp có thẩm quyền công nhận có tổ chức, hoạt động theo quy định của pháp luật thuộc các xã trên địa bàn tỉnh.
- Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất nông nghiệp (chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng thủy sản,...) trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và tổ chức công bố ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc thẩm định và xét công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu tỉnh Kiên Giang phải tuân thủ đúng tiêu chuẩn của Bộ tiêu chí quy định tại Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí ấp nông thôn mới trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển thuộc tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2019-2020 và Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu giai đoạn 2019-2020 tỉnh Kiên Giang; thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định, đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch, tránh hình thức và chạy theo thành tích.

2. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức liên quan trong quá trình xét, công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu tỉnh Kiên Giang.

Điều 3. Thẩm quyền xét, công nhận và tổ chức công bố

1. Về công nhận

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu tỉnh Kiên Giang.

2. Về công bố

- Thẩm quyền công bố: UBND xã tổ chức lễ công bố ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu tỉnh Kiên Giang.

- Thời gian tổ chức công bố: Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Quyết định công nhận của Chủ tịch UBND cấp huyện có hiệu lực.

- Trách nhiệm hướng dẫn: UBND cấp huyện có trách nhiệm hướng dẫn các xã tổ chức lễ công bố.

- Hình thức tổ chức: Đảm bảo đúng qui định, trang trọng, tiết kiệm.

- Kinh phí tổ chức: Từ nguồn ngân sách địa phương và huy động các nguồn hợp pháp khác.

Điều 4. Điều kiện công nhận

Công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu phải đảm bảo các điều kiện:

- Có văn bản đăng ký công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu.

- Có 100% tiêu chí đạt chuẩn theo quy định.

Điều 5. Phương pháp xác định mức độ đạt chuẩn của từng tiêu chí để xét, công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu

Mức độ đạt chuẩn của từng tiêu chí để xét, công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu trên cơ sở quy định tại Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí ấp nông thôn mới trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển thuộc tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2019-2020 và Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu giai đoạn 2019-2020 tỉnh Kiên Giang.

Chương II
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ CÔNG NHẬN ÁP NÔNG THÔN MỚI
(TRÊN ĐỊA BÀN 04 XÃ BIÊN GIỚI VÀ BÃI NGANG VEN BIỂN); ÁP
NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU; VƯỜN MẪU

Điều 6. Đăng ký kế hoạch xây dựng áp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); áp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu

1. Đối với áp đạt chuẩn áp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); áp nông thôn mới kiểu mẫu

a) Ban Phát triển áp đăng ký kế hoạch xây dựng áp đạt chuẩn áp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); áp nông thôn mới kiểu mẫu gửi về UBND xã. Văn bản đăng ký của Ban Phát triển áp (theo Mẫu số 01).

UBND xã đưa vào kế hoạch xây dựng áp đạt chuẩn áp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); áp nông thôn mới kiểu mẫu đối với áp có đăng ký xây dựng áp đạt chuẩn.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được đăng ký của áp), UBND xã tiến hành thẩm tra lại kết quả thực tế tại áp đăng ký áp đạt chuẩn áp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); áp nông thôn mới kiểu mẫu và trả lời bằng văn bản cho áp về kết quả đưa vào kế hoạch xét công nhận áp đạt chuẩn áp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); áp nông thôn mới kiểu mẫu; nêu rõ lý do đối với áp chưa được đưa vào kế hoạch.

Trên cơ sở danh sách các áp đăng ký công nhận áp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); áp nông thôn mới kiểu mẫu do UBND xã đề xuất, Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện phối hợp với ban, ngành cấp huyện tổ chức đoàn thẩm tra đến các áp đăng ký hoặc tổ chức cuộc họp để thống nhất các áp đủ điều kiện đăng ký báo cáo UBND huyện xem xét, quyết định.

2. Đối với vườn mẫu

Ban Phát triển áp đăng ký kế hoạch xây dựng vườn mẫu gửi về UBND xã. Văn bản đăng ký của Ban Phát triển áp (theo Mẫu số 01).

UBND xã chỉ đưa vào kế hoạch thực hiện đối với vườn mẫu đã đạt chuẩn 04 tiêu chí tính đến thời điểm đăng ký và có đủ điều kiện phân đầu đạt chuẩn trong năm đánh giá.

Các bước còn lại thực hiện như khoản 1 Điều này.

Điều 7. Công nhận áp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); áp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu

Trình tự, thủ tục công nhận áp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); áp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu gồm các bước:

1. Ban Phát triển áp tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí áp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); áp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu, hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND xã.

2. UBND xã tổ chức thẩm tra, đề nghị xét, công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu, hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND cấp huyện.

3. UBND cấp huyện tổ chức thẩm định, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định công nhận, công bố ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu.

Điều 8. Ban Phát triển ấp tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu

Các quy định sau áp dụng cho cả 03 danh hiệu ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu:

1. Tổ chức tự đánh giá

Ban Phát triển ấp tổ chức tự đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí báo cáo UBND xã.

2. Tổ chức lấy ý kiến

a) Ban Phát triển ấp gửi báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí để lấy ý kiến tham gia của Ban công tác Mặt trận và các Chi hội ấp;

b) Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí được thông báo, công bố công khai tại trụ sở UBND xã, nhà văn hóa ấp và trên hệ thống truyền thanh của xã, ấp trong thời gian 20 ngày để lấy ý kiến tham gia của Nhân dân;

c) Ban Phát triển ấp bổ sung hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí sau khi nhận được ý kiến tham gia (bằng văn bản) của Mặt trận ấp, các Chi hội ấp và của Nhân dân trên địa bàn.

3. Hoàn thiện hồ sơ

a) Ban Phát triển ấp tổ chức họp thảo luận, biểu quyết đề nghị xét, công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên, trình UBND xã.

b) Hồ sơ đề nghị xét, công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu Ban Phát triển ấp nộp UBND xã để thẩm tra (01 bộ hồ sơ), gồm:

- Tờ trình của Ban Phát triển ấp về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu (theo Mẫu số 02);

- Báo cáo kết quả xây dựng ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu (theo Mẫu số 03);

- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các Chi hội ấp và Nhân dân trong ấp về kết quả thực hiện các tiêu chí (theo Mẫu số 04);

- Biên bản cuộc họp Ban Phát triển ấp đề nghị xét, công nhận (theo Mẫu số 05);

- Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu.

c) Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Ủy ban nhân dân xã.

Điều 9. Ủy ban nhân dân xã tổ chức thẩm tra, đề nghị xét, công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu

Các quy định sau áp dụng cho cả 03 danh hiệu:

1. Tổ chức thẩm tra

a) UBND xã tổ chức đoàn thẩm tra (gồm đại diện lãnh đạo Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã cán bộ chuyên môn phụ trách các tiêu chí) để thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí của từng ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu đủ điều kiện, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã xây dựng báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí cho từng ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu, báo cáo UBND cấp huyện;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của ấp, UBND xã trả lời bằng văn bản cho Ban Phát triển ấp về kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí của từng ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu; nêu rõ lý do ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu chưa được đề nghị xét, công nhận.

2. Tổ chức lấy ý kiến

a) UBND xã tổng hợp danh sách các ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận và công bố ít nhất 03 lần trên Đài phát thanh xã để lấy ý kiến Nhân dân trên địa bàn xã;

b) UBND xã gửi báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí cho từng ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu để lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, các ấp trên địa bàn xã để hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí cho từng ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu;

c) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã chủ trì, hướng dẫn Ban công tác Mặt trận ấp cùng các Chi hội ấp tiến hành lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa

bàn áp đối với việc đề nghị công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu.

3. Hoàn thiện hồ sơ

a) UBND xã tổ chức họp (gồm các thành viên Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã) thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu đã đủ điều kiện; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên và có từ 90% trở lên số hộ gia đình (trong tổng số hộ gia đình của ấp được chọn khảo sát, lấy ý kiến) hài lòng, trình UBND cấp huyện.

b) Hồ sơ đề nghị xét, công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu UBND xã nộp trực tiếp hoặc theo đường bưu điện cho UBND huyện để thẩm định (01 bộ hồ sơ), gồm:

- Tờ trình của UBND xã đề nghị thẩm định, xét, công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu (theo Mẫu số 06);

- Báo cáo về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu (theo Mẫu số 07);

- Báo cáo tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức và Nhân dân trên địa bàn xã tham gia vào kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu từng ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu (theo Mẫu số 08);

- Biên bản cuộc họp (gồm thành viên Ban Quản lý các xã) đề nghị xét, công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu (theo Mẫu số 09);

- Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã về kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn áp đối với việc công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu (bản chính);

- Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu.

(Kèm theo bộ hồ sơ của Ban Phát triển áp nộp để thẩm tra.

c) Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện.

Điều 10. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định, công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu

1. Tổ chức thẩm định

a) UBND huyện, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện) thành lập Đoàn thẩm định gồm: Các thành viên là đại diện lãnh đạo Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện; lãnh đạo các phòng, ban chuyên môn cấp huyện được giao phụ trách các tiêu chí ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu để thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí của từng ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu. Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện xây dựng báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí của từng ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu (trên cơ sở văn bản của các phòng, ban cấp huyện đánh giá, xác nhận mức độ đạt các tiêu chí được giao phụ trách), báo cáo UBND cấp huyện.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, (kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét, công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu của UBND cấp xã), UBND cấp huyện trả lời bằng văn bản cho UBND cấp xã, ấp về kết quả thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí của từng ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu trên địa bàn từng xã, ấp; nêu rõ lý do ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu chưa được xét, công nhận đạt chuẩn.

2. Tổ chức xét, công nhận

a) Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG cấp huyện tổ chức họp, thảo luận, bỏ phiếu xét, công nhận cho từng ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu. Cuộc họp chỉ được tiến hành khi có từ 70% trở lên số thành viên Ban Chỉ đạo có mặt. Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu khi kết quả ý kiến nhất trí của các thành viên Ban Chỉ đạo huyện dự họp phải đạt từ 90% trở lên, trình Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định;

b) Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu trên địa bàn huyện theo đề xuất của Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện.

c) Mẫu bằng công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu (theo Mẫu số 10).

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Khen thưởng, kinh phí

1. Hàng năm, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã xem xét, quyết định khen thưởng ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu theo thẩm quyền.

2. Kinh phí thực hiện thẩm định hồ sơ để xem xét, công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu (bao gồm: họp, kiểm tra, đánh giá thực địa, khảo sát lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân...) do ngân sách nhà nước đảm bảo hàng năm.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Trách nhiệm của các sở, ngành tỉnh: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao phụ trách tiêu chí, các sở, ngành tỉnh hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện thẩm định từng tiêu chí ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu.

2. Trách nhiệm của UBND các huyện, thành phố: Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện tiếp nhận hồ sơ và chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hoàn thiện thủ tục, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu.

3. Trách nhiệm của UBND các xã: Ban Quản lý nông thôn mới xã hỗ trợ Ban Phát triển các ấp hoàn thành hồ sơ đề nghị thẩm tra, thực hiện thẩm tra hồ sơ, trình Chủ tịch UBND xã xem xét, hoàn thiện hồ sơ trình UBND cấp huyện.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh hướng dẫn nội dung, cách thức, quy trình lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu ở cấp ấp; các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh chỉ đạo các tổ chức cấp dưới tích cực tham gia phản biện, góp ý kết quả xây dựng ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu.

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, các địa phương kiến nghị về Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh để nghiên cứu, xem xét trình Chủ tịch UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

PHỤ LỤC
CÁC MẪU CỦA TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ CÔNG NHẬN ÁP
NÔNG THÔN MỚI (TRÊN ĐỊA BÀN 04 XÃ BIÊN GIỚI VÀ BÃI NGANG
VEN BIỂN); ÁP NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU; VƯỜN MẪU
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020
của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang)

Mẫu số 01

UBND XÃ
BAN PHÁT TRIỂN
ÁP.....

Số: /BPT

V/v đăng ký áp nông thôn mới
 (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi
 ngang ven biển); áp nông thôn mới
 kiểu mẫu; vườn mẫu năm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã....., huyện/thành phố.....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của tỉnh, huyện, xã).

Tính đến tháng năm, áp/vườn mẫu....., xã, huyện/thành phố có số tiêu chí đạt chuẩn theo quy định là/ (tổng số) tiêu chí, đạt ...% (đảm bảo yêu cầu so với quy định tại Quyết định số .../QĐ-UBND ngày tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố áp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); áp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu tỉnh Kiên Giang) và có đủ điều kiện phấn đấu áp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); áp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu. trong năm

Trên cơ sở khối lượng và tiến độ thực hiện hoàn thành các tiêu chí áp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); áp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu, Áp, xã....., huyện/thành phố.....đăng ký và cam kết thực hiện hoàn thành các tiêu chí theo quy định trong năm..... để được công nhận áp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); áp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu.

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân xã, huyện/thành phố xem xét, đưa vào kế hoạch chỉ đạo thực hiện./.

TM. BAN PHÁT TRIỂN ÁP
TRƯỞNG BAN
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02

UBND XÃ
BAN PHÁT TRIỂN
ẤP.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-BPT , ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Về việc thăm tra, đề nghị xét, công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu năm

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã, huyện/thành phố

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của tỉnh, huyện, xã).

Căn cứ Báo cáo số/BC-BPT ngày .../.../..... của Ban Phát triển ấp về kết quả thực hiện các tiêu chí ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/ ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu năm;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày/...../..... của Ban Phát triển ấp đề nghị xét, công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/ấp nông thôn mới kiểu mẫu/ vườn mẫu;

Ban Phát triển ấp..... kính trình UBND xã thăm tra, đề nghị xét công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu.

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu (bản chính).

2. Báo cáotổng hợp ý kiến tham gia của các các Chi hội ấp và nhân dân trong ấp về kết quả thực hiện các tiêu chí;

3. Biên bản cuộc họp Ban Phát triển ấp đề nghị xét, công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu.

Kính đề nghị UBND xã, huyện/thành phốxem xét, thăm tra./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:

TM. BAN PHÁT TRIỂN ẤP
TRƯỞNG BAN
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03

UBND XÃ

BAN PHÁT TRIỂN

ẤP.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-BPT

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện các tiêu chí ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu năm của ấp....., xã....., huyện....., tỉnh.....

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Nêu tóm tắt về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của ấp
2. Thuận lợi
3. Khó khăn

II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của tỉnh, huyện, xã.

III. Kết quả chỉ đạo xây dựng ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu

1. Công tác tuyên truyền
2. Công tác chỉ đạo, điều hành
3. Kết quả huy động nguồn lực

Tổng kinh phí đã thực hiện: triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương triệu đồng, chiếm%;
- Ngân sách tỉnh triệu đồng, chiếm%;
- Ngân sách huyện triệu đồng, chiếm%;
- Ngân sách xã triệu đồng, chiếm%;
- Vốn vay tín dụng triệu đồng, chiếm%;
- Doanh nghiệp triệu đồng, chiếm %;
- Nhân dân đóng góp triệu đồng, chiếm %.

IV. Kết quả thực hiện các tiêu chí ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu

Tổng số tiêu chí ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn theo quy định là/ (tổng số) tiêu chí, đạt %, cụ thể:

1. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:
- Khối lượng thực hiện:
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.
- c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

2. Tiêu chí số về

- a) Yêu cầu của tiêu chí:
- b) Kết quả thực hiện tiêu chí:
 - Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:
 - Các nội dung đã thực hiện:
 - Khối lượng thực hiện:
 - Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.
- c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số về

V. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được
2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân
3. Bài học kinh nghiệm

VI. Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới

1. Quan điểm
2. Mục tiêu
3. Nội dung nâng chất các tiêu chí ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu./.

Nơi nhận:

-
-
- Lưu:

TM. BAN PHÁT TRIỂN ẤP
TRƯỞNG BAN
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ ÁP NÔNG THÔN MỚI (TRÊN ĐỊA BÀN 04 XÃ BIÊN GIỚI VÀ BÃI NGANG VEN BIỂN)/ÁP NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU/VƯỜN MẪUNĂM ...

(Kèm theo Báo cáo số: .../BC-BPT ngày .../.../20... của Ban Phát triển ấp ...)

Tùy theo đề nghị xét công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu mà bảng tổng hợp thể hiện tại mục I, II hoặc III.

I. BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ ÁP NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN 04 XÃ BIÊN GIỚI VÀ BÃI NGANG VEN BIỂN

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của ấp
1	Giao thông	1.1. Tỷ lệ km đường trục ấp, liên ấp ít nhất được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	≥50%		
		1.2. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	100% (≥ 30% bê tông hóa hoặc nhựa hóa)		
		1.3. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng (nếu có) đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	50%		
2	Thủy lợi	Hệ thống thủy lợi liên quan đến ấp cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất, dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.	Đạt		
3	Điện	3.1. Hệ thống điện đảm bảo đạt yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	Đạt		
		Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.	≥98%		
4	Văn hóa	4.1. Có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, khu thể thao phục vụ cộng đồng đạt chuẩn	Đạt		
		4.2. Được công nhận và giữ vững danh hiệu "Ấp văn hóa" theo quy định	Đạt		
		4.3 Tỷ lệ hộ gia đình đạt "gia đình văn hóa"	≥70%		
		4.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội	≥70%		
5	Thông tin và	5.1. Ấp có	Đạt		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của ấp
	Truyền thông	dịch vụ viễn thông, internet			
		5.2. Ấp có hệ thống loa truyền thanh hoạt động tốt	Đạt		
6	Nhà ở dân cư và vườn hộ	6.1. Không có nhà tạm dột nát	Đạt		
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà đạt chuẩn theo tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng.	$\geq 60\%$		
		6.3. Đồ đạc trong nhà được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp	Đạt		
		6.4. Có hàng rào bao quanh đảm bảo mỹ quan (ưu tiên hàng rào bằng cây xanh)	Đạt		
		6.5. Có vườn trồng rau sạch, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm	Đạt		
7	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người trong ấp gấp 1,6 lần so với năm 2015	Đạt		
8	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều tại ấp	$\leq 4\%$		
9	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	$\geq 80\%$		
10	Tổ chức sản xuất	Có mô hình sản xuất, kinh doanh tập trung, hiệu quả, gắn với liên kết vùng nguyên liệu của ấp theo định hướng của Chương trình Mỗi xã một sản phẩm	Đạt		
11	Giáo dục và Đào tạo	11.1. Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1 đạt 98%; Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục tiểu học đạt ít nhất 80%, số trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học	Đạt		
		11.2. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2, xóa mù chữ mức độ 2 trở lên	Đạt		
		11.3. Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học Chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp	$\geq 75\%$		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của ấp
		11.4. Ấp có trường học thì phòng học được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố, đủ diện tích theo quy định; bàn ghế học sinh đúng tiêu chuẩn; khuôn viên điếm trường đủ diện tích theo số lượng học sinh, có tường rào bao quanh. Nếu ấp có điếm lẻ thì phòng học được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố, bàn ghế học sinh đúng tiêu chuẩn.	Đạt		
		11.5. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	$\geq 20\%$		
12	Y tế	12.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	Đạt		
		12.2. Có tối thiểu 01 nhân viên y tế ấp được đào tạo theo khung chương trình do Bộ Y tế quy định, thường xuyên hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được giao; hàng tháng có giao ban với trạm y tế xã	Đạt		
		12.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao/tuổi)	$\leq 25\%$		
13	Môi trường và An toàn thực phẩm	13.1 Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh, nước sạch	$\geq 90\%$ (40% nước sạch)		
		13.2. Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ)	$\geq 80\%$		
		13.3. Ấp có tổ thu gom rác thải hoặc hộ gia đình có phân loại rác và có hố thu gom, xử lý rác tại gia đình	100%		
		13.4. Tỷ lệ hộ gia đình chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	$\geq 60\%$		
		13.5. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm	100%		
14	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	14.1. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt		
		14.2. Chi bộ đạt danh hiệu "trong sạch, vững mạnh".	Đạt		
		14.3. Các tổ chức đoàn thể đều đạt loại khá trở lên.	Đạt		
		14.4. Chi bộ có Nghị quyết chuyên đề về xây dựng ấp nông thôn mới.	Đạt		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của ấp
		14.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình. Bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt		
15	Quốc phòng và An ninh	15.1. Đảm bảo chỉ tiêu xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng (nếu có)	Đạt		
		15.2. Áp dụng chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên; không có khiếu kiện đông người kéo dài, không có trọng án xảy ra; tội phạm và tệ nạn xã hội được kiểm chế, giảm liên tục so với năm trước	Đạt		
16	Tổ chức cộng đồng	16.1. Có quy ước, hương ước được 95% người dân thông qua và cam kết thực hiện.	Đạt		
		16.2. Tỷ lệ người dân chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, quy ước	100%		
		16.3. Thực hiện đầy đủ đúng thời gian, các nghĩa vụ đóng góp theo quy định của pháp luật và các khoản đã thống nhất trong ấp, cộng đồng dân cư	Đạt		

II. BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ ẤP NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của ấp
1	Giao thông	1.1. Tỷ lệ km đường trục ấp, liên ấp được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải (Quy mô đạt cấp B theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải)	$\geq 70\%$		
		1.2. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa (Quy mô đạt cấp C hoặc cấp B theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải)	100% (70% cứng hóa)		
		1.3. Cắm mốc đầy đủ hành lang đường theo quy hoạch được phê duyệt, có biển báo giao thông đầu	Đạt		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của ấp
		đường các ấp (Biển báo hạn chế trọng tải, biển cấm xe, ...)			
2	Điện	2.1. Hệ thống điện đảm bảo đạt yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	Đạt		
		2.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đối với khu vực sử dụng điện quốc gia đạt (Riêng đối với khu vực xã đảo sử dụng nguồn diezen độc lập đạt $\geq 96\%$)	$\geq 99\%$		
3	Vườn hộ và công trình chăn nuôi	3.1. Có ít nhất 3 vườn đạt chuẩn vườn mẫu theo quy định tiêu chuẩn vườn mẫu của UBND tỉnh	Đạt		
		3.2. Tỷ lệ hộ có vườn đã thực hiện chỉnh trang vườn nhà	$\geq 80\%$		
		3.3. Có 60% trở lên số hộ có vườn trong ấp ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, có hệ thống tưới tiết kiệm nước, đảm bảo sản phẩm sạch, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Đạt		
4	Nhà Văn hóa và khu thể thao	4.1. Có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, khu thể thao phục vụ cộng đồng đạt chuẩn theo quy định	Đạt		
		4.2. Có khu thể thao ấp đạt chuẩn theo quy định	Đạt		
		4.3. Có một số dụng cụ thể thao phù hợp với phong trào thể thao quần chúng ở địa phương	$\geq 90\%$		
5	Thông tin và Truyền thông	5.1. Ấp có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt		
		5.2. Ấp có hệ thống loa truyền thanh hoạt động tốt	Đạt		
6	Nhà ở dân cư	6.1. Không có nhà tạm dột nát	Đạt		
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà đạt chuẩn theo tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng	$\geq 90\%$		
		6.3. Đồ đạc trong nhà được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp	Đạt		
7	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người/năm trong ấp cao gấp 1,5 lần trở lên so với thu nhập bình quân đầu người/năm theo quy định hàng năm của xã đạt chuẩn nông thôn mới	Đạt		
8	Hộ nghèo	Không có hộ nghèo (Trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng hoặc do bệnh hiểm nghèo)	Đạt		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của ấp
9	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động (trừ các trường hợp không có khả năng tham gia lao động)	$\geq 90\%$		
10	Văn Hóa	10.1. Được công nhận và giữ vững danh hiệu "Ấp văn hóa" theo quy định	Đạt		
		10.2. Tỷ lệ hộ gia đình đạt "gia đình văn hóa"	$\geq 85\%$		
		10.3. Tỷ lệ người dân được phổ biến và thực hiện tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và các quy định của địa phương, hộ gia đình thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội	$\geq 90\%$		
		10.4. Có mô hình hoạt động văn hóa, thể thao tiêu biểu thu hút từ 60% số người dân thường trú tại ấp tham gia	Đạt		
11	Giáo dục và Đào tạo	11.1. Tỷ lệ huy động trẻ 4-5 tuổi đi học mẫu giáo	$\geq 90\%$		
		11.2. Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1 đạt (không tính các trẻ mắc các chứng bệnh bẩm sinh, không đủ điều kiện về thể lực để học tập)	100%		
		11.3. Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục tiểu học đạt	$\geq 95\%$		
		11.4. Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học Chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp	$\geq 95\%$		
		11.5. Không có học sinh vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật	Đạt		
12	Y tế	12.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	$\geq 95\%$		
		12.2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 10\%$		
13	Vệ sinh môi trường	13.1. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy định	100%		
		13.2. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý theo đúng quy định đạt	$\geq 90\%$		
		13.3. Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp đạt	$\geq 50\%$		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của ấp
		13.4. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và bảo đảm 3 sạch, không có trường hợp "nhà tiêu trên sông rạch".	100%		
		13.5. Tỷ lệ các tuyến đường ấp đảm bảo tiêu thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến	≥60%		
		13.6. Tỷ lệ hộ gia đình trong ấp có hàng rào bằng cây xanh hoặc hàng rào khác, trồng hoa đảm bảo yêu cầu xanh-sạch-đẹp	≥95%		
		13.7. Có mô hình bảo vệ môi trường: thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn; vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng hoặc mô hình bảo vệ môi trường phù hợp khác	Ít nhất 01 mô hình hoạt động thường xuyên hiệu quả		
		13.8. Tỷ lệ hộ có nơi để dụng cụ sản xuất, thiết bị máy móc và vật tư nông nghiệp an toàn, đảm bảo vệ sinh môi trường	≥80%		
		13.9. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥90%		
14	Hệ thống chính trị, An ninh, trật tự và chấp hành pháp luật	14.1. Chi bộ ấp đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh	Đạt		
		14.2. Ấp và các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội trong ấp đạt danh hiệu tiên tiến, xuất sắc	Đạt		
		14.3. Tỷ lệ hộ gia đình đăng ký xây dựng gia đình đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự hàng năm	100%		
		14.4. Không để xảy ra các hoạt động chống Đảng, chống chính quyền; khiếu kiện đông người và khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật	Đạt		
		14.5. Không để xảy ra tội phạm từ mức nghiêm trọng trở lên	Đạt		
		14.6. Không có tụ điểm phức tạp về mức an toàn xã hội; không để phát sinh người nghiện ma túy trong năm xét công nhận	Đạt		

III. BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ VƯỜN MẪU

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của ấp
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	Có bản vẽ hoặc sơ đồ quy hoạch-thiết kế vườn và thực hiện đúng theo bản vẽ hoặc sơ đồ quy hoạch-thiết kế vườn được UBND xã xác nhận; đồng thời phải phù hợp với Quy hoạch chi tiết xã nông thôn mới được UBND huyện phê duyệt	Đạt		
2	Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và sản phẩm của vườn	2.1. Có hệ thống tưới tiết kiệm nước và ít nhất có áp dụng một trong các ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến khác vào sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến	Đạt		
		2.2. Sản phẩm hàng hóa đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm (có thời gian cách ly theo khuyến cáo khi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật bị cấm)	Đạt		
3	Môi trường	3.1. Hộ gia đình có chuồng trại chăn nuôi (nếu có) phải đảm bảo đúng quy cách kỹ thuật vệ sinh môi trường	Đạt		
		3.2. Có hệ thống xử lý và thoát nước thải đảm bảo vệ sinh, không ô nhiễm môi trường; rác thải và chất thải rắn hộ gia đình trước khi tập kết tại điểm thu gom phải được phân loại, vận chuyển đến nơi tập kết rác hoặc có hố chôn, đốt rác thải.	Đạt		
4	Thu nhập	Thu nhập từ vườn, ao, chuồng, rẫy trên cùng một đơn vị diện tích	Bình quân ≥ 70 triệu đồng/1.000m ² /năm		

Mẫu số 04

UBND XÃ
BAN PHÁT TRIỂN
ẤP.....

Số: /BC-BPT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thực hiện các tiêu chí ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu năm của ấp....., xã....., huyện....., tỉnh.....

I. Tóm tắt quá trình Ban Phát triển ấp tổ chức lấy ý kiến tham gia

-
 -

II. Kết quả thực hiện các tiêu chí ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu

Tổng số tiêu chí ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu do ấp tổ chức tự đánh giá đạt tính đến tháng...năm.... là.../ (tổng số) tiêu chí, đạt%.

III. Ý kiến tham gia vào kết quả thực hiện các tiêu chí ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu**1. Ý kiến tham gia của các Chi hội ấp**

- Hình thức tham gia ý kiến:
 - Ý kiến tham gia:
 - Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

2. Ý kiến tham gia của các tổ chức khác trên địa bàn ấp (các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, hợp tác xã, ...)

- Hình thức tham gia ý kiến:
 - Ý kiến tham gia:
 - Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn ấp

- Ý kiến tham gia:
 - Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

IV. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của Ban Phát triển ấp

-

Nơi nhận:

-;
 -;
 - Lưu:

TM. BAN PHÁT TRIỂN ẤP
TRƯỞNG BAN
 (Ký tên, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 05

UBND XÃ

BAN PHÁT TRIỂN**ẤP.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN

Họp đề nghị xét, công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu ấp..... đạt chuẩn năm

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của tỉnh, huyện, xã);

Căn cứ Báo cáo số/BC-BPT ngày/...../..... của Ban Phát triển ấp về kết quả thực hiện các tiêu chí ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu ấp năm ... và Báo cáo số/BC-BPT ngày/...../..... của Ban Phát triển tổng hợp ý kiến tham gia của các Chi hội ấp và nhân dân trong ấp về kết quả thực hiện các tiêu chí ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu năm.....

Hômnay, vào lúc..... giờ ... phút ngày/...../..... tại, Ban Phát triển ấp(xã, huyện....., tỉnh) tổ chức họp đề nghị xét, công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;
- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác;
-
- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Ban Phát triển ấp báo cáo kết quả tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu năm...; tổng hợp báo cáo tham gia ý kiến của các Chi hội ấp và nhân dân trong xã về kết quả xây dựng ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu năm....

2. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về kết quả thực hiện các tiêu chí ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu trên địa bàn ấp
-

3. Kết quả bỏ phiếu: Số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven

biển)/ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu năm là/tổng số thành viên tham dự cuộc họp, đạt%.

Biên bản kết thúc lúc giờphút ngày/...../....., đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí%.

Biên bản này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau: Ban Phát triển ấp lưu bản để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu, gửi UBND xã bản./

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 06**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TT-UBND

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH**Về việc thẩm định, xét, công nhận áp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/áp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu áp..... năm**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện/thành phố.....

*Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);**Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của tỉnh, huyện);**Căn cứ Báo cáo số /BC-UBND ngày ... /... /20... của UBND xã về thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí áp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/áp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu áp....năm.....;**Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày / ... /20... của UBND xã đề nghị xét, công nhận áp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/áp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu năm.....*

UBND xã Kính trình UBND huyện/thành phố thẩm định, xét, công nhận áp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/áp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu đạt áp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/áp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu áp..... đạt chuẩn năm

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả đạt từng tiêu chí áp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/áp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu áp.....năm..... (bản chính).
2. Báo cáo tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn xã tham gia vào kết quả thẩm tra mức độ đạt từng tiêu chí áp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/áp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu đối với áp..... năm.....(bản chính).
3. Biên bản cuộc họp đề nghị xét, công nhận áp/vườn..... đạt chuẩn áp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/áp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu áp..... năm..... (bản chính).
4. Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc xã về kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn áp đối với việc công nhận áp/vườn..... đạt chuẩn áp

nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu ấp..... năm....(bản chính).

(Kèm theo bộ hồ sơ của Ban Phát triển ấp trình UBND xã thẩm tra)

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện/thành phố xem xét, thẩm định./.

Nơi nhận:

-
-
- Lưu:

TM. UBND

CHỦ TỊCH

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 07**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-UBND

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO**Về việc thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí ấp nông thôn mới
(trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/ấp nông thôn mới kiểu
mẫu/vườn mẫu ấp..... năm***Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);**Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của tỉnh, huyện);**Căn cứ đề nghị của Ban Phát triển ấp tại Tờ trình số /TTr-BPT ngày// về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu năm*

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu năm.... trên địa bàn ấp, UBND xã báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí “ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu năm cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày//..... đến ngày//):

1. Về hồ sơ**2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí****2.1. Tiêu chí số về**

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:

- Khối lượng thực hiện:

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

2.2. Tiêu chí số về

a. Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:
- Các nội dung đã thực hiện:
- Khối lượng thực hiện:
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số về

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu

-

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí

- Tổng số tiêu chí ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu ấp..... đã được UBND xã thẩm tra đạt chuẩn tính đến thời điểm thẩm tra là:/..... tiêu chí, đạt%.

III. KIẾN NGHỊ

.....

Nơi nhận:

-
-
- Lưu:

TM. UBND

CHỦ TỊCH

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ ÁP NÔNG THÔN MỚI (TRÊN ĐỊA BÀN 04 XÃ BIÊN GIỚI VÀ BÃI NGANG VEN BIỂN)/ÁP NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU/VƯỜN MẪUNĂM

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày .../.../20... Ủy ban nhân dân xã ...)

Tùy theo đề nghị xét công nhận áp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/áp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu mà bảng tổng hợp thể hiện theo mục I, II hoặc III.

I. BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ ÁP NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN 04 XÃ BIÊN GIỚI VÀ BÃI NGANG VEN BIỂN

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của ấp	Kết quả thẩm tra của xã
1	Giao thông	1.1. Tỷ lệ km đường trục ấp, liên ấp ít nhất được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	≥50%		
		1.2. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	100% (≥ 30% bê tông hóa hoặc nhựa hóa)		
		1.3. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng (nếu có) đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	50%		
2	Thủy lợi	Hệ thống thủy lợi liên quan đến ấp cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất, dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.	Đạt		
3	Điện	3.1. Hệ thống điện đảm bảo đạt yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	Đạt		
		Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.	≥98%		
4	Văn hóa	4.1. Có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, khu thể thao phục vụ cộng đồng đạt chuẩn	Đạt		
		4.2. Được công nhận và giữ vững danh hiệu "Ấp văn hóa" theo quy định	Đạt		
		4.3 Tỷ lệ hộ gia đình đạt "gia đình văn hóa"	≥70%		
		4.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội	≥70%		
5	Thông tin và Truyền	5.1. Ấp có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của ấp	Kết quả thẩm tra của xã
	thông	5.2. Ấp có hệ thống loa truyền thanh hoạt động tốt	Đạt		
6	Nhà ở dân cư và vườn hộ	6.1. Không có nhà tạm dột nát	Đạt		
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà đạt chuẩn theo tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng.	≥60%		
		6.3. Đồ đạc trong nhà được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp	Đạt		
		6.4. Có hàng rào bao quanh đảm bảo mỹ quan (ưu tiên hàng rào bằng cây xanh)	Đạt		
		6.5. Có vườn trồng rau sạch, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm	Đạt		
7	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người trong ấp gấp 1,6 lần so với năm 2015	Đạt		
8	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều tại ấp	≤4%		
9	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥80%		
10	Tổ chức sản xuất	Có mô hình sản xuất, kinh doanh tập trung, hiệu quả, gắn với liên kết vùng nguyên liệu của ấp theo định hướng của Chương trình Mỗi xã một sản phẩm	Đạt		
11	Giáo dục và Đào tạo	11.1. Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1 đạt 98%; Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục tiểu học đạt ít nhất 80%, số trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học	Đạt		
		11.2. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2, xóa mù chữ mức độ 2 trở lên	Đạt		
		11.3. Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học Chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp	≥75%		
		11.4. Ấp có trường học thì phòng học được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố, đủ diện tích theo quy định; bàn ghế học sinh đúng tiêu chuẩn; khuôn viên điểm trường đủ diện tích theo số lượng học sinh, có tường rào bao quanh. Nếu ấp có điểm lẻ thì phòng học được	Đạt		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của ấp	Kết quả thẩm tra của xã
		xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố, bàn ghế học sinh đúng tiêu chuẩn.			
		11.5. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥20%		
12	Y tế	12.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	Đạt		
		12.2. Có tối thiểu 01 nhân viên y tế ấp được đào tạo theo khung chương trình do Bộ Y tế quy định, thường xuyên hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được giao; hàng tháng có giao ban với trạm y tế xã	Đạt		
		12.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao/tuổi)	≤25%		
13	Môi trường và An toàn thực phẩm	13.1 Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh, nước sạch	≥90% (40% nước sạch)		
		13.2. Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ)	≥80%		
		13.3. Ấp có tổ thu gom rác thải hoặc hộ gia đình có phân loại rác và có hố thu gom, xử lý rác tại gia đình	100%		
		13.4. Tỷ lệ hộ gia đình chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥60%		
		13.5. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm	100%		
14	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	14.1. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt		
		14.2. Chi bộ đạt danh hiệu "trong sạch, vững mạnh".	Đạt		
		14.3. Các tổ chức đoàn thể đều đạt loại khá trở lên.	Đạt		
		14.4. Chi bộ có Nghị quyết chuyên đề về xây dựng ấp nông thôn mới.	Đạt		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của ấp	Kết quả thẩm tra của xã
		14.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình. Bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt		
15	Quốc phòng và An ninh	15.1. Đảm bảo chỉ tiêu xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng (nếu có)	Đạt		
		15.2. Áp dụng chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên; không có khiếu kiện đông người kéo dài, không có trọng án xảy ra; tội phạm và tệ nạn xã hội được kiểm chế, giảm liên tục so với năm trước	Đạt		
16	Tổ chức cộng đồng	16.1. Có quy ước, hương ước được 95% người dân thông qua và cam kết thực hiện.	Đạt		
		16.2. Tỷ lệ người dân chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, quy ước	100%		
		16.3. Thực hiện đầy đủ đúng thời gian, các nghĩa vụ đóng góp theo quy định của pháp luật và các khoản đã thống nhất trong ấp, cộng đồng dân cư	Đạt		

II. BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ ẤP NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của ấp	Kết quả thẩm tra của xã
1	Giao thông	1.1. Tỷ lệ km đường trục ấp, liên ấp được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải (Quy mô đạt cấp B theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải)	$\geq 70\%$		
		1.2. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa (Quy mô đạt cấp C hoặc cấp B theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải)	100% (70% cứng hóa)		
		1.3. Cắm mốc đầy đủ hành lang đường theo quy hoạch được phê duyệt, có biển báo giao thông đầu	Đạt		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của ấp	Kết quả thẩm tra của xã
		đường các ấp (Biển báo hạn chế trọng tải, biển cấm xe, ...)			
2	Điện	2.1. Hệ thống điện đảm bảo đạt yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	Đạt		
		2.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đối với khu vực sử dụng điện quốc gia đạt (Riêng đối với khu vực xã đảo sử dụng nguồn diezen độc lập đạt $\geq 96\%$)	$\geq 99\%$		
3	Vườn hộ và công trình chăn nuôi	3.1. Có ít nhất 3 vườn đạt chuẩn vườn mẫu theo quy định tiêu chuẩn vườn mẫu của UBND tỉnh	Đạt		
		3.2. Tỷ lệ hộ có vườn đã thực hiện chỉnh trang vườn nhà	$\geq 80\%$		
		3.3. Có 60% trở lên số hộ có vườn trong ấp ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, có hệ thống tưới tiết kiệm nước, đảm bảo sản phẩm sạch, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Đạt		
4	Nhà Văn hóa và khu thể thao	4.1. Có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, khu thể thao phục vụ cộng đồng đạt chuẩn theo quy định	Đạt		
		4.2. Có khu thể thao đạt chuẩn theo quy định	Đạt		
		4.3. Có một số dụng cụ thể thao phù hợp với phong trào thể thao quần chúng ở địa phương	$\geq 90\%$		
5	Thông tin và Truyền thông	5.1. Ấp có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt		
		5.2. Ấp có hệ thống loa truyền thanh hoạt động tốt	Đạt		
6	Nhà ở dân cư	6.1. Không có nhà tạm dột nát	Đạt		
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà đạt chuẩn theo tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng	$\geq 90\%$		
		6.3. Đồ đạc trong nhà được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp	Đạt		
7	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người/năm trong ấp cao gấp 1,5 lần trở lên so với thu nhập bình quân đầu người/năm theo quy định hàng năm của xã đạt chuẩn nông thôn mới	Đạt		
8	Hộ nghèo	Không có hộ nghèo (Trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng hoặc do bệnh hiểm nghèo)	Đạt		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của ấp	Kết quả thẩm tra của xã
9	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động (trừ các trường hợp không có khả năng tham gia lao động)	$\geq 90\%$		
10	Văn Hóa	10.1. Được công nhận và giữ vững danh hiệu "Ấp văn hóa" theo quy định	Đạt		
		10.2. Tỷ lệ hộ gia đình đạt "gia đình văn hóa"	$\geq 85\%$		
		10.3. Tỷ lệ người dân được phổ biến và thực hiện tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và các quy định của địa phương, hộ gia đình thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội	$\geq 90\%$		
		10.4. Có mô hình hoạt động văn hóa, thể thao tiêu biểu thu hút từ 60% số người dân thường trú tại ấp tham gia	Đạt		
11	Giáo dục và Đào tạo	11.1. Tỷ lệ huy động trẻ 4-5 tuổi đi học mẫu giáo	$\geq 90\%$		
		11.2. Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1 đạt (không tính các trẻ mắc các chứng bệnh bẩm sinh, không đủ điều kiện về thể lực để học tập)	100%		
		11.3. Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục tiểu học đạt	$\geq 95\%$		
		11.4. Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học Chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp	$\geq 95\%$		
		11.5. Không có học sinh vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật	Đạt		
12	Y tế	12.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	$\geq 95\%$		
		12.2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 10\%$		
13	Vệ sinh môi trường	13.1. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy định	100%		
		13.2. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý theo đúng quy định đạt	$\geq 90\%$		
		13.3. Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp đạt	$\geq 50\%$		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của ấp	Kết quả thẩm tra của xã
		13.4. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và bảo đảm 3 sạch, không có trường hợp "nhà tiêu trên sông rạch".	100%		
		13.5. Tỷ lệ các tuyến đường ấp đảm bảo tiêu thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến	≥60%		
		13.6. Tỷ lệ hộ gia đình trong ấp có hàng rào bằng cây xanh hoặc hàng rào khác, trồng hoa đảm bảo yêu cầu xanh-sạch-đẹp	≥95%		
		13.7. Có mô hình bảo vệ môi trường: thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn; vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng hoặc mô hình bảo vệ môi trường phù hợp khác	Ít nhất 01 mô hình hoạt động thường xuyên hiệu quả		
		13.8. Tỷ lệ hộ có nơi để dụng cụ sản xuất, thiết bị máy móc và vật tư nông nghiệp an toàn, đảm bảo vệ sinh môi trường	≥80%		
		13.9. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥90%		
14	Hệ thống chính trị, An ninh, trật tự và chấp hành pháp luật	14.1. Chi bộ ấp đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh	Đạt		
		14.2. Ấp và các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội trong ấp đạt danh hiệu tiên tiến, xuất sắc	Đạt		
		14.3. Tỷ lệ hộ gia đình đăng ký xây dựng gia đình đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự hàng năm	100%		
		14.4. Không để xảy ra các hoạt động chống Đảng, chống chính quyền; khiếu kiện đông người và khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật	Đạt		
		14.5. Không để xảy ra tội phạm từ mức nghiêm trọng trở lên	Đạt		
		14.6. Không có tụ điểm phức tạp về mức an toàn xã hội; không để phát sinh người nghiện ma túy trong năm xét công nhận	Đạt		

III. BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ VƯỜN MẪU

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của ấp	Kết quả thẩm tra của xã
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	Có bản vẽ hoặc sơ đồ quy hoạch-thiết kế vườn và thực hiện đúng theo bản vẽ hoặc sơ đồ quy hoạch-thiết kế vườn được UBND xã xác nhận; đồng thời phải phù hợp với Quy hoạch chi tiết xã nông thôn mới được UBND huyện phê duyệt	Đạt		
2	Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và sản phẩm của vườn	2.1. Có hệ thống tưới tiết kiệm nước và ít nhất có áp dụng một trong các ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến khác vào sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến	Đạt		
		2.2. Sản phẩm hàng hóa đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm (có thời gian cách ly theo khuyến cáo khi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật bị cấm)	Đạt		
3	Môi trường	3.1. Hộ gia đình có chuồng trại chăn nuôi (nếu có) phải đảm bảo đúng quy cách kỹ thuật vệ sinh môi trường	Đạt		
		3.2. Có hệ thống xử lý và thoát nước thải đảm bảo vệ sinh, không ô nhiễm môi trường; rác thải và chất thải rắn hộ gia đình trước khi tập kết tại điểm thu gom phải được phân loại, vận chuyển đến nơi tập kết rác hoặc có hố chôn, đốt rác thải.	Đạt		
4	Thu nhập	Thu nhập từ vườn, ao, chuồng, rẫy trên cùng một đơn vị diện tích	Bình quân ≥ 70 triệu đồng/1.000m ² /năm		

Mẫu số 08

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-UBND

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn xã tham gia vào kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu ấp..... năm.....

I. Tóm tắt quá trình UBND xã tổ chức lấy ý kiến tham gia

-
-

II. Ý kiến tham gia vào kết quả thẩm tra các tiêu chí ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/ấp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu**1. Ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn xã**

- Hình thức tham gia ý kiến:
- Ý kiến tham gia:
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

2. Ý kiến tham gia của Chi hội ấp các ấp trên địa bàn xã

- Hình thức tham gia ý kiến:
- Ý kiến tham gia:
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn huyện (nếu có)

- Hình thức tham gia ý kiến:
- Ý kiến tham gia:
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND xã

-
-

Nơi nhận:

-
-
- Lưu:

TM. UBND**CHỦ TỊCH***(Ký tên, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 09

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN**Họp đề nghị xét, công nhận áp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/áp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu năm.....***Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);**Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của tỉnh, huyện);**Căn cứ Báo cáo số/BC-UBND ngày/..... /20..... của UBND xã thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí áp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/áp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu áp..... năm và Báo cáo số/BC-UBND ngày/..../..... của UBND xã về việc tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn xã tham gia vào kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận áp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/áp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu áp..... năm.....**Hôm nay, vào lúc..... giờ phút ngày/...../..... tại, UBND xã..... (huyện...tỉnh) tổ chức họp đề nghị xét, công nhận áp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/áp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu, cụ thể như sau:***I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:**

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;
- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác;
-
- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. UBND xã trình bày Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí áp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/áp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu của áp.....năm....; Báo cáo tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn xã tham gia vào kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận áp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/áp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu áp..... năm.....

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã trình bày Báo cáo về kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn áp đối với việc công nhận áp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/áp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu.

3. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về đề nghị xét, công nhận áp/vườn.....đạt chuẩn áp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/áp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu.

-

4. Kết quả bỏ phiếu: Số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công nhận áp/vườn.....đạt chuẩn áp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/áp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu năm là /tổng số thành viên tham dự cuộc họp, đạt%.

Biên bản kết thúc lúc giờ phút ngày/...../....., đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí%.

Biên bản này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND xã lưu bản để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận áp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển)/áp nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu, gửi UBND huyện/thành phố bản./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 10

MẪU BẢNG CÔNG NHẬN ÁP NÔNG THÔN MỚI (TRÊN ĐỊA BÀN 04 XÃ BIÊN GIỚI VÀ BÃI NGANG VEN BIỂN)/ÁP NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU/VƯỜN MẪU

(Quốc huy) (1)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM (2)
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN/THÀNH PHỐ.....(3)

CÔNG NHẬN (4)

Áp....., xã....., huyện/thành phố....., tỉnh Kiên Giang (5)

Đạt chuẩn áp nông thôn mới/áp nông thôn mới kiểu mẫu (6)

(hoặc)

Vườn mẫu.....ấp....., xã..... huyện/thành phố....., tỉnh Kiên Giang (5)

Đạt chuẩn vườn mẫu năm(6)

Quyết định số:../QĐ-UBND ngày.../.../20...(7), ngày...tháng.... năm 20...(8)

Vào sổ số:...../QĐ-UBND (9)

CHỦ TỊCH (10)

.....(11)

Yêu cầu:

1. Kích thước:

- Chiều dài: 360 mm, chiều rộng: 270 mm.

- Hoa văn bên trong: chiều dài 290 mm, chiều rộng 210 mm.

2. Chất liệu và định lượng: Giấy trắng, định lượng: 150g/m².

3. Hình thức: Xung quanh trang trí hoa văn màu, chính giữa phía trên in Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1)

4. Nội dung:

- Dòng 1, 2: Quốc huy, Quốc hiệu (2)

Khoảng trống

- Dòng 3: Thẩm quyền công nhận (3).
- Dòng 4: Công nhận (4)
- Dòng 5: Tên áp/vườn mẫu, xã, huyện, tỉnh (5)
- Dòng 6: Đạt chuẩn áp/vườn mẫu năm..... (6)

Khoảng trống

- Dòng 7:
- + Bên trái: Quyết định số, ngày, tháng, năm (7)
- + Bên phải: Địa danh, ngày, tháng, năm (8)
- Dòng 8:
- + Bên trái: Số sổ vàng (9)
- + Bên phải: Thẩm quyền ký (10) :

Khoảng trống (3,5 cm): chữ ký, dấu

- Dòng 9: Họ và tên người ký quyết định (11)

Ghi chú:

- (1): In hình Quốc huy.
- (2): Quốc hiệu:
- + Dòng chữ: "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" (chữ in đậm, màu đen).
- + Dòng chữ: "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc" (chữ thường, đậm, màu đen),
- (3): Thẩm quyền quyết định: (chữ in, màu đỏ).
- (4): Chữ in, màu đen.
- (5), (6), (7), (8), (9): Chữ thường, màu đen.
- (10): Chữ in, màu đen.
- (11): Chữ thường, màu đen.
- Cỡ chữ trong nội dung, đơn vị tự quy định cho phù hợp, đảm bảo hình thức đẹp, trang trọng.
- + Dòng chữ: "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc" (chữ thường, đậm, màu đen).

Khoảng trống

- Dòng 3: Thẩm quyền công nhận (chữ in, màu đỏ).
- Dòng 4: Công nhận (chữ in, màu đen).
- Dòng 5: Tên áp/mô hình (Chữ thường, màu đỏ)
- Dòng 6: Đạt chuẩn kiểu mẫu năm.....(Chữ thường, màu đen)

Khoảng trống

- Dòng 7:

+ Bên trái: Quyết định số, ngày, tháng, năm (Chữ thường, màu đen)

+ Bên phải: Địa danh, ngày, tháng, năm (Chữ thường, màu đen)

- Dòng 8:

+ Bên trái: Số số vàng (Chữ thường, màu đen).

+ Bên phải: Thẩm quyền ký (Chữ in, màu đen)

Khoảng trống (3,5 cm): chữ ký, dấu

- Dòng 9: Họ và tên người ký quyết định (Chữ thường, màu đen)

- Cỡ chữ trong nội dung, đơn vị tự quy định cho phù hợp, đảm bảo hình thức đẹp, trang trọng.